

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23-01-2025

V/v: Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Thiệp, bà Lý Thị Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Bích Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 64/2024/TLST - HNGĐ ngày 26-11-2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐST- HNGĐ ngày 08-01-2025; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Cà Thị Y (tên gọi khác: Lò Thị Y), sinh năm 1991. Địa chỉ cư trú: Bản HN, xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La. (Vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Lò Văn C, sinh năm 1986. (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Bản T, xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La. (Anh C đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam YH)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Cà Thị Y (tên gọi khác: Lò Thị Y) trình bày:

Chị Cà Thị Y (tên gọi khác: Lò Thị Y) và anh Lò Văn C kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 10/02/2017 tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C nghiện ma túy, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn kéo dài, tính tình không hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh C đang đi tù tại Trại giam YH từ năm 2023 đến nay. Chị Cà Thị Y (tên gọi khác: Lò Thị Y) xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lò Văn C.

Về con chung: Chị Cà Thị Y (tên gọi khác: Lò Thị Y) và anh Lò Văn C có 02 con chung: Cháu Lò MK, sinh ngày 09/7/2008 và cháu Lò TD, sinh ngày 17/7/2011.

Chị Cà Thị Y (tên gọi khác: Lò Thị Y) đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lò MK và cháu Lò TD.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai bị đơn anh Lò Văn C trình bày (Có xác nhận của Trại giam YH):

Anh Lò Văn C và chị Cà Thị Y (tên gọi khác: Lò Thị Y) kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 10/02/2017 tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không ai ép buộc. Trong thời gian chung sống do anh C nghiện ma túy nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã mâu thuẫn. Đến tháng 6/2023 anh Lò Văn C bị bắt về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Nay chị Cà Thị Y (tên gọi khác: Lò Thị Y) yêu cầu ly hôn, anh C nhất trí ly hôn với chị Cà Thị Y (tên gọi khác: Lò Thị Y).

Về con chung: Anh Lò Văn C và chị Cà Thị Y (tên gọi khác: Lò Thị Y) có 02 con chung: Cháu Lò MK, sinh ngày 09/7/2008 và cháu Lò TD, sinh ngày 17/7/2011. Anh C nhất trí giao hai con chung cho chị Cà Thị Y (tên gọi khác: Lò Thị Y) được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, điều kiện nuôi con và ý kiến của con chung tại địa chỉ nơi cư trú của các đương sự:

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương ngày 18/12/2024 xác định: Chị Cà Thị Y (tên gọi khác: Lò Thị Y) và anh Lò Văn C kết hôn có đăng ký kết hôn với nhau. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, không bên nào ép buộc. Quá trình chung sống nảy sinh mâu thuẫn do anh C nghiện ma túy. Anh C và chị Y có 02 con chung đang sống với chị Y. Chị Cà Thị Y (tên gọi khác: Lò Thị Y) có khả năng và điều kiện nuôi con.

Ý kiến của cháu Lò MK, sinh ngày 09/7/2008 (Biên bản ghi ý kiến ngày 24/12/2024): Cháu Lò MK có nguyện vọng muốn ở với bố cháu hoặc mẹ cháu đều được.

Ý kiến của cháu Lò TD, sinh ngày 17/7/2011 (Biên bản ghi ý kiến ngày 24/12/2024): Cháu Lò TD có nguyện vọng muốn ở với bố cháu hoặc mẹ cháu đều được.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Chị Cà Thị Y (tên gọi khác: Lò Thị Y) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với nội dung: Chị Y giữ nguyên ý kiến như trình bày trong đơn khởi kiện và bản tự khai.

Anh Lò Văn C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với nội dung: Anh C giữ nguyên ý kiến như trình bày trong bản tự khai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng đầy đủ tư cách tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn, tổng đạt đầy đủ hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đang chấp hành án tại Trại giam YH đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Viện kiểm sát đề nghị:

Về tình cảm: Xử cho chị Cà Thị Y (tên gọi khác: Lò Thị Y) được ly hôn với anh Lò Văn C.

Về con chung: Giao cháu Lò MK, sinh ngày 09/7/2008 và cháu Lò TD, sinh ngày 17/7/2011 cho chị Cà Thị Y (tên gọi khác: Lò Thị Y) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Lò Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Cà Thị Y (tên gọi khác: Lò Thị Y) yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Lò Văn C có nơi thường trú tại bản T, xã TL, huyện

TC, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Cà Thị Y (tên gọi khác: Lò Thị Y), bị đơn anh Lò Văn C vắng mặt tại phiên tòa đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cà Thị Y (tên gọi khác: Lò Thị Y) và anh Lò Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc, được Ủy ban nhân dân xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, chị Y và anh C là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C nghiện ma túy, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn kéo dài, tính tình không hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh C đang đi tù tại Trại giam YH từ năm 2023 đến nay. Chị Cà Thị Y (tên gọi khác: Lò Thị Y) xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh C. Anh Lò Văn C nhất trí ly hôn với chị Cà Thị Y (tên gọi khác: Lò Thị Y).

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai của đương sự và tại phiên tòa cho thấy cuộc sống chung vợ chồng của chị Y và anh C không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do anh C nghiện ma túy nên vợ chồng anh C, chị Y thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc.

Từ các căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị Y và anh C đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Cà Thị Y (tên gọi khác: Lò Thị Y) ly hôn với anh Lò Văn C.

[3] Về con chung: Chị Cà Thị Y (tên gọi khác: Lò Thị Y) và anh Lò Văn C có 02 con chung là cháu Lò MK, sinh ngày 09/7/2008 và cháu Lò TD, sinh ngày 17/7/2011. Hiện tại hai cháu đang sống cùng chị Cà Thị Y (tên gọi khác: Lò Thị Y).

Chị Cà Thị Y (tên gọi khác: Lò Thị Y) đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lò MK và cháu Lò TD. Anh Lò Văn C nhất trí với ý kiến của chị Cà Thị Y (tên gọi khác: Lò Thị Y) về nuôi con chung.

Ý kiến của cháu Lò MK và cháu Lò TD có nguyện vọng muốn ở với bố hoặc mẹ đều được.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Lò Văn C đang chấp hành án phạt tù nên không có điều kiện nuôi con. Chị Cà Thị Y (tên gọi khác: Lò Thị Y) có nơi ở ổn định, có công việc và thu nhập. Trong thời gian chị Y và anh C sống ly thân, chị Y đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng các cháu về mọi mặt. Do đó cần chấp nhận ý

kiến của nguyên đơn, giao cháu Lò MK và cháu Lò TD cho chị Cà Thị Y (tên gọi khác: Lò Thị Y) trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lò Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Cà Thị Y (tên gọi khác: Lò Thị Y) không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Cà Thị Y (tên gọi khác: Lò Thị Y) và anh Lò Văn C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Cà Thị Y (tên gọi khác: Lò Thị Y) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Cà Thị Y (tên gọi khác: Lò Thị Y) được ly hôn với anh Lò Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Lò MK, sinh ngày 09/7/2008 và cháu Lò TD, sinh ngày 17/7/2011 cho chị Cà Thị Y (tên gọi khác: Lò Thị Y) trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng các con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lò Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Cà Thị Y (tên gọi khác: Lò Thị Y) không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y, anh C xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó không xem xét giải quyết trong vụ án.

4. Về án phí: Chị Cà Thị Y (tên gọi khác: Lò Thị Y) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại chi cục

Thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Sơn La theo biên lai thu số: 0001882, ngày 26/11/2024.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Cà Thị Y (tên gọi khác: Lò Thị Y), anh Lò Văn C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC (2);
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nông Văn Thịnh